

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC
VÀ PHÁP LUẬT 2

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

CẦN THƠ – 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 2

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Lý luận nhà nước và pháp luật 2

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật Kinh tế

+ Bachelor: Đại học

+ Hệ Chính quy

- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết

- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nội dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Lý luận nhà nước và pháp luật 2, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về pháp luật như khái niệm pháp luật, nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của pháp luật; quy phạm pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

- Xác định được quá trình vận động và phát triển của pháp luật;

- Xác định được bản chất và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội;

- Phân tích được các loại nguồn của pháp luật nói chung và nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay nói riêng;

- Xác định được cơ cấu của quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật;

- Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác;

- Có được tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về vấn đề pháp luật.

2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng pháp luật trong thực tế;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật;

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về pháp luật;

- Kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề về pháp luật;

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá hiện tượng pháp luật trong đời sống xã hội;

- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

- Xác định đúng vị trí, vai trò của lý luận nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý và các môn học pháp lý trong chương trình đào tạo đại học luật.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>	<i>Bậc 1</i>	<i>Bậc 2</i>	<i>Bậc 3</i>
<i>Vấn đề 1:</i> Nguồn	1A1. Nêu được khái niệm pháp	1B1. Phân tích được nguyên nhân	1C1. Phân biệt được những ưu

gốc, kiểu pháp luật	<p>luật.</p> <p>1A2. Nêu được các đặc trưng cơ bản của pháp luật.</p> <p>1A3. Nêu được nguồn gốc pháp luật.</p> <p>1A4. Nêu được khái niệm kiểu pháp luật.</p> <p>1A5. Nêu được các kiểu pháp luật trong lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.</p>	<p>ra đời của pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.</p> <p>1B2. Phân tích được các con đường hình thành pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.</p> <p>1B3. Phân tích được các đặc điểm cơ bản của từng kiểu pháp luật trong lịch sử.</p> <p>1B4. Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sự thay đổi kiểu pháp luật.</p>	<p>điểm và hạn chế của từng kiểu pháp luật.</p> <p>1C2. Phân biệt được pháp luật với các thể chế xã hội khác như đạo đức, phong tục tập quán, tín điều tôn giáo...</p> <p>1C3. So sánh được sự khác nhau của từng kiểu pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.</p>
Vấn đề 2: Pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội	<p>2A1. Nêu được khái niệm điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2A2. Nêu được các công cụ chủ đạo trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2A3. Nêu được vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống</p>	<p>2B1. Phân tích được các đặc điểm riêng của mỗi công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2B2. Phân tích được vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2B3. Phân tích</p>	<p>2C1. Nhận xét được sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2C2. So sánh được sự giống và khác nhau giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p>

	<p>công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2A4. Nêu được mối quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p> <p>2A5. Nêu được một số khía cạnh hoàn thiện hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>	<p>được mối quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.</p>	<p>2C3. Bình luận được tầm quan trọng của pháp luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.</p>
<p>Vấn đề 3: Bản chất, vai trò của pháp luật</p>	<p>3A1. Nêu được khái niệm bản chất pháp luật.</p> <p>3A2. Nêu được hai thuộc tính cơ bản thể hiện bản chất của pháp luật.</p> <p>3A3. Nêu được bản chất và đặc điểm của pháp luật Việt Nam hiện nay.</p> <p>3A4. Nêu được vai trò của pháp luật.</p>	<p>3B1. Phân tích được nội dung hai thuộc tính thể hiện bản chất pháp luật.</p> <p>3B2. Phân tích được sự vận động, biến đổi của hai thuộc tính thể hiện bản chất pháp luật qua các kiểu pháp luật.</p> <p>3B3. Phân tích được các đặc điểm thể hiện bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay.</p> <p>3B4. Phân tích</p>	<p>3C1. Bình luận được bản chất của pháp luật thông qua tính giai cấp và tính xã hội.</p> <p>3C2. Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến bản chất của pháp luật.</p> <p>3C3. Bình luận và đưa ra được nhận xét về vai trò của pháp luật</p>

		được vai trò của pháp luật đối với xã hội, lực lượng cầm quyền, đối với nhà nước và đối với các công cụ điều chỉnh khác.	
Vấn đề 4: Hình thức và nguồn của pháp luật	<p>4A1. Nêu được khái niệm hình thức của pháp luật.</p> <p>4A2. Kể tên được các loại nguồn của pháp luật.</p> <p>4A3. Nêu được khái niệm tập quán pháp.</p> <p>4A4. Nêu được khái niệm tiền lệ pháp.</p> <p>4A5. Nêu được khái niệm văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>4A6. Nêu được khái niệm nguồn của pháp luật.</p> <p>4A7. Kể tên được các loại nguồn của pháp luật.</p> <p>4A8. Kể tên được các loại nguồn của pháp luật Việt Nam</p>	<p>4B1. Phân tích được nội dung các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>4B2. Phân tích được ưu điểm, nhược điểm của tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>4B3. Phân tích được hiệu lực theo thời gian của văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>4B4. Phân tích được hiệu lực theo không gian của văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>4B5. Phân tích được hiệu lực theo đối tượng tác động của văn bản quy</p>	<p>4C1. Bình luận và đưa ra được nhận xét về ưu thế của văn bản quy phạm pháp luật so với các loại nguồn khác của pháp luật.</p> <p>4C2. Liên hệ thực tế Việt Nam về vấn đề hiệu lực theo thời gian, không gian và theo đối tượng tác động của văn bản quy phạm pháp luật.</p>

	<p>hiện nay.</p> <p>4A9. Nêu được các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>4A10. Nêu được hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay.</p>	phạm pháp luật.	
<p><i>Vấn đề 5:</i> Quy phạm pháp luật - Hệ thống pháp luật</p>	<p>5A1. Nêu được khái niệm quy phạm pháp luật.</p> <p>5A2. Nêu được các đặc điểm của quy phạm pháp luật.</p> <p>5A3. Nêu được các bộ phận cấu thành (cơ cấu) của quy phạm pháp luật.</p> <p>5A4. Liệt kê được các cách thể hiện quy phạm pháp luật.</p> <p>5A5. Nêu được các căn cứ phân loại quy phạm pháp luật.</p> <p>5A6. Nêu được các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật.</p> <p>5A7. Nêu được các</p>	<p>5B1. Phân tích được nội dung các đặc điểm của quy phạm pháp luật.</p> <p>5B2. Trình bày được bộ phận “giả định” của quy phạm pháp luật.</p> <p>5B3. Trình bày được bộ phận “quy định” của quy phạm pháp luật.</p> <p>5B4. Trình bày được bộ phận “chế tài” của quy phạm pháp luật.</p> <p>5B5. Phân tích được sự liên kết giữa các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật.</p> <p>5B6. Phân tích được các đặc điểm</p>	<p>5C1. Xác định được từng bộ phận của quy phạm pháp luật cụ thể.</p> <p>5C2. Đưa ra được các ví dụ về từng cách thể hiện quy phạm pháp luật. Liên hệ thực tiễn pháp luật Việt Nam.</p> <p>5C3. Bình luận và đưa ra được nhận xét về các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam.</p>

	<p>căn cứ phân định các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.</p>	<p>ơ bản của từng hệ thống pháp luật trên thế giới (Civil law, common law, islamic law).</p> <p>5B7. Phân tích được các đặc điểm cơ bản của hệ thống pháp luật XHCN.</p>	
<p><i>Vấn đề 6:</i> Quan hệ pháp luật</p>	<p>6A1. Nêu được khái niệm quan hệ pháp luật.</p> <p>6A2. Liệt kê được các đặc điểm của quan hệ pháp luật.</p> <p>6A3. Nêu được các căn cứ để phân loại quan hệ pháp luật.</p> <p>6A4. Kể tên được các thành phần của quan hệ pháp luật.</p> <p>6A5. Nêu được khái niệm chủ thể quan hệ pháp luật.</p> <p>6A6. Nêu được điều kiện để cá nhân hay tổ chức trở thành chủ thể độc lập của quan hệ pháp luật.</p> <p>6A7. Nêu được khái niệm khách thể</p>	<p>6B1. Phân tích được nội dung các đặc điểm của quan hệ pháp luật.</p> <p>6B2. Phân tích được năng lực pháp luật của chủ thể quan hệ pháp luật.</p> <p>6B3. Phân tích được năng lực hành vi pháp luật của chủ thể quan hệ pháp luật.</p> <p>6B4. Phân tích được nội dung các đặc điểm của pháp nhân.</p> <p>6B5. Phân tích được khái niệm sự kiện pháp lý.</p>	<p>6C1. Phân biệt được quan hệ pháp luật với quan hệ xã hội khác.</p> <p>6C2. Phân biệt được quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong quan hệ pháp luật với quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong quan hệ xã hội khác.</p> <p>6C3. Cho ví dụ thực tế về bộ phận “nội dung” của quan hệ pháp luật.</p>

	<p>của quan hệ pháp luật.</p> <p>6A8. Nêu được khái niệm nội dung của quan hệ pháp luật.</p> <p>6A9. Nêu được điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật.</p> <p>6A10. Nêu được khái niệm sự kiện pháp lý.</p> <p>6A11. Liệt kê được các tiêu chí phân loại sự kiện pháp lý.</p>		
<p>Vấn đề 7: Thực hiện pháp luật, giải thích pháp luật</p>	<p>7A1. Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật.</p> <p>7A2. Liệt kê được các hình thức thực hiện pháp luật.</p> <p>7A3. Nêu được khái niệm và đặc điểm của áp dụng pháp luật.</p> <p>7A4. Liệt kê được các trường hợp cần áp dụng pháp luật.</p> <p>7A5. Nêu được</p>	<p>7B1. Phân tích được từng hình thức thực hiện pháp luật.</p> <p>7B2. Phân tích được nội dung các đặc điểm của áp dụng pháp luật.</p> <p>7B3. Phân tích được nội dung các đặc điểm của văn bản áp dụng pháp luật.</p> <p>7B4. Trình bày được lý do và điều</p>	<p>7C1. Đưa ra được ví dụ minh họa cho mỗi hình thức thực hiện pháp luật.</p> <p>7C2. So sánh được văn bản áp dụng pháp luật với văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>7C3. Đưa ra được ví dụ minh họa cho nội dung các đặc điểm của văn bản áp dụng pháp luật.</p> <p>7C4. Phân biệt giải</p>

	<p>khái niệm và đặc điểm của văn bản áp dụng pháp luật.</p> <p>7A6. Nêu được các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật.</p> <p>7A7. Nêu được khái niệm giải thích pháp luật.</p> <p>7A8. Liệt kê được các hình thức giải thích pháp luật.</p> <p>7A9. Liệt kê được các phương pháp giải thích pháp luật.</p>	<p>kiện áp dụng pháp luật tương tự.</p> <p>7B5. Phân tích được các loại áp dụng pháp luật tương tự.</p> <p>7B6. Phân tích được các đặc điểm giải thích pháp luật chính thức.</p> <p>7B7. Phân tích được các đặc điểm giải thích pháp luật không chính thức.</p>	<p>thích pháp luật chính thức và không chính thức.</p>
<p>Vấn đề 8: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p>	<p>8A1. Nêu được khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.</p> <p>8A2. Liệt kê được các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.</p> <p>8A3. Nêu được các loại vi phạm pháp luật.</p> <p>8A4. Nêu được khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.</p>	<p>8B1. Phân tích được mặt khách quan của vi phạm pháp luật.</p> <p>8B2. Phân tích được mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.</p> <p>8B3. Phân tích được các yếu tố chủ thể của vi phạm pháp luật.</p> <p>8B4. Phân tích được các yếu tố khách thể của vi</p>	<p>8C1. Bình luận và phân tích được các yếu tố đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của vi phạm pháp luật.</p> <p>8C2. Đưa ra được các nhận xét về ý nghĩa của việc xác định cấu thành vi phạm pháp luật đối với hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý.</p> <p>8C3. Bình luận và phân tích được các</p>

	<p>8A5. Liệt kê được các loại trách nhiệm pháp lý.</p> <p>8A6. Nêu được khái niệm và đặc điểm của truy cứu trách nhiệm pháp lý.</p> <p>8A7. Nêu được mục đích, ý nghĩa của truy cứu trách nhiệm pháp lý.</p> <p>8A8. Nêu được căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.</p>	<p>phạm pháp luật.</p> <p>8B5. Trình bày được nội dung các đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.</p> <p>8B6. Trình bày được nội dung của từng căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.</p>	<p>nguyên tắc của hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý.</p>
<p>Vấn đề 9: Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý</p>	<p>9A1. Nêu được khái niệm ý thức pháp luật.</p> <p>9A2. Liệt kê được các góc độ thể hiện cấu trúc của ý thức pháp luật.</p> <p>9A3. Nêu được các cách thức phân loại ý thức pháp luật.</p> <p>9A4. Nêu được vai trò của ý thức pháp luật.</p> <p>9A5. Nêu được khái niệm văn hóa</p>	<p>9B1. Phân tích được nội dung các đặc điểm của ý thức pháp luật.</p> <p>9B2. Phân tích được nội dung các bộ phận của ý thức pháp luật.</p> <p>9B3. Phân tích được vai trò của ý thức pháp luật đối với hoạt động xây dựng pháp luật.</p> <p>9B4. Trình bày được vai trò của ý thức pháp luật đối</p>	<p>9C1. Nhận diện được ý thức pháp luật của người dân Việt Nam hiện nay.</p> <p>9C2. Đánh giá được ưu, nhược điểm của từng hình thức giáo dục pháp luật ở nước ta hiện nay.</p>

	<p>pháp lý.</p> <p>9A6. Liệt kê được các yếu tố cấu thành văn hóa pháp lý.</p> <p>9A7. Nêu được khái niệm giáo dục pháp luật.</p>	<p>với thực hiện pháp luật.</p> <p>9B5. Trình bày được vai trò của pháp luật đối với việc củng cố và nâng cao ý thức pháp luật.</p> <p>9B6. Phân tích được các hình thức giáo dục pháp luật.</p>	
--	---	--	--

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	09 vấn đề	20	20		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-4	<p>Chương 1: Nguồn gốc, kiểu pháp luật</p> <p>1.1. Khái niệm pháp luật</p> <p>1.1.1. Định nghĩa pháp luật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình

	<p>1.1.2. Đặc trưng của pháp luật</p> <p>1.2. Nguồn gốc của pháp luật</p> <p>1.3. Kiểu pháp luật</p> <p>1.3.1. Khái niệm kiểu pháp luật</p> <p>1.3.2. Các kiểu pháp luật trong lịch sử</p>	<p>đẫn, giải đáp</p>	<p>huống</p>
Tiết 5-8	<p>Chương 2: Pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội</p> <p>2.1. Điều chỉnh quan hệ xã hội và hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội</p> <p>2.2. Vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội</p> <p>2.3. Quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội</p> <p>2.4. Hoàn thiện hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội ở Việt Nam hiện nay</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>
Tiết 9-12	<p>Chương 3: Bản chất, vai trò của pháp luật</p> <p>3.1. Bản chất của pháp luật</p> <p>3.1.1. Các thuộc tính thể hiện bản chất của pháp luật</p> <p>3.1.2. Bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay</p> <p>3.2. Vai trò của pháp luật</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>

<p>Tiết 13-18</p>	<p>Chương 4: Hình thức và nguồn của pháp luật</p> <p>4.1. Hình thức của pháp luật</p> <p>4.2. Nguồn của pháp luật</p> <p>4.2.1. Khái niệm nguồn của pháp luật</p> <p>4.2.2. Các loại nguồn của pháp luật</p> <p>4.2.2.1. Tập quán pháp</p> <p>4.2.2.2. Tiền lệ pháp</p> <p>4.2.2.3. Văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>4.2.2.4. Các loại nguồn khác của pháp luật</p> <p>4.3. Nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay</p> <p>4.3.1. Các loại nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay</p> <p>4.3.2. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay</p> <p>4.4. Hoạt động xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay</p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>
<p>Tiết 19-24</p>	<p>Chương 5: Quy phạm pháp luật - Hệ thống pháp luật</p> <p>5.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật</p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>

	<p>5.1.3. Cách trình bày quy phạm pháp luật</p> <p>5.2. Hệ thống pháp luật</p> <p>5.2.1. Khái niệm hệ thống pháp luật</p> <p>5.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>5.2.3. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>5.2.4. Hệ thống hoá pháp luật</p>		
Tiết 25-28	<p>Chương 6: Quan hệ pháp luật</p> <p>6.1. Khái niệm quan hệ pháp luật</p> <p>6.2. Cấu thành quan hệ pháp luật</p> <p>6.3. Điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>
Tiết 29-33	<p>Chương 7: Thực hiện pháp luật và giải thích pháp luật</p> <p>7.1. Thực hiện pháp luật</p> <p>7.2. Áp dụng pháp luật</p> <p>7.2.1. Khái niệm áp dụng pháp luật</p> <p>7.2.2. Các trường hợp cần áp dụng pháp luật</p> <p>7.2.3. Các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật</p> <p>7.3. Áp dụng pháp luật tương tự</p> <p>7.4. Giải thích pháp luật</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>

<p>Tiết 34-39</p>	<p>Chương 8: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p> <p>8.1. Vi phạm pháp luật</p> <p>8.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật</p> <p>8.1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật</p> <p>8.1.3. Phân loại vi phạm pháp luật</p> <p>8.2. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>8.2.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý</p> <p>8.2.2. Phân loại trách nhiệm pháp lý</p> <p>8.2.3. Truy cứu trách nhiệm pháp lý</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>
<p>Tiết 40-43</p>	<p>Chương 9: Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý</p> <p>9.1. Ý thức pháp luật</p> <p>9.1.1. Khái niệm, cơ cấu của ý thức pháp luật</p> <p>9.1.2. Quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật</p> <p>9.1.3. Giáo dục pháp luật</p> <p>9.2. Văn hóa pháp lý</p> <p>9.2.1. Khái niệm văn hóa pháp lý</p> <p>9.2.2. Những yêu cầu cơ bản của văn hóa pháp lý</p> <p>9.2.3. Tăng cường văn hóa pháp</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>

	lý ở Việt Nam hiện nay		
Tiết 44-45	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm Tổng: 10 điểm	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm	10

			+ Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lời cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức : Thi tự luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án của đề thi	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Cần Thơ, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN